

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hùng Phong
Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Anh T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lâm Thái N, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Anh T trình bày:

Chị và anh Lâm Thái N có tổ chức tiệc cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng nhiều lần tự hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này do không còn hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Thái N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lâm Anh T1, sinh ngày 11/6/2016 và Lâm Anh T2, sinh ngày 18/4/2019, hiện cả hai con đang sống cùng cha là anh Lâm Thái N, chị đồng ý giao cả 02 con chung cho anh Lâm Thái N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Lâm Thái N vắng mặt, không có lời trình bày:

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Thạch Thị Anh T được ly hôn với anh Lâm Thái N. Về con chung, giao anh Lâm Thái N được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Lâm Thái N vắng mặt không lý do, phiên tòa đã mở lần hai, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Lâm Thái N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 26/TLKH-BS ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, thể hiện vào ngày 19/3/2019 chị Thạch Thị Anh T và anh Lâm Thái N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, chị T trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau, vợ chồng đã tự hàn gắn nhưng không thành nên năm 2020 đã sống ly thân, sau khi ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nay do hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Thái N. Anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được việc chị T xin ly hôn nhưng đến nay vẫn không phản hồi ý kiến, yêu cầu cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, điều này cho thấy anh N không mong muốn được Tòa án hòa giải hàn gắn đoàn tụ với vợ. Mặt khác, thời gian vợ chồng ly thân, mạnh ai chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc

nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Căn cứ theo bản sao giấy khai sinh số 214/GKS-BS và số 215/GKS-BS ngày 15/02/2024 của UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, quá trình chung sống chị T và anh N có 02 người con chung tên Lâm Anh T1, sinh ngày 11/6/2016 và Lâm Anh T2, sinh ngày 18/4/2019, hiện cả 02 con đều đang sống cùng anh N. Tại phiên tòa chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N không phản hồi trực tiếp ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào lời khai của con chung được Tòa án ghi nhận vào ngày 11/4/2014, cháu Lâm Anh T1 có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha là anh Lâm Thái N. Xét thấy, hiện nay cả cháu Lâm Anh T1 và Lâm Anh T2 đang sống cùng anh N ổn định về chỗ ở và môi trường sống, nên cần thiết giao cả 02 con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp nguyện vọng con chung và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao 02 con chung cháu T1 và cháu T2 cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị T đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Anh T được ly hôn với anh Lâm Thái N.

2. Về quyền nuôi con: Giao anh Lâm Thái N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Anh T1, sinh ngày 11/6/2016 và Lâm Anh T2, sinh

ngày 18/4/2019 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Thạch Thị Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Anh T nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000512 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

